

Bản án số **166/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/8/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm: 1994.

HKTT: Thôn 4, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: Tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1989.

HKTT: Đội Mỹ Thọ 1, xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: Tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 10/7/2024, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V T bày:

Chị Trần Thị Cẩm V và anh anh Bùi Văn T kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 4 năm 2018. Khi kết hôn chị V đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp

luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một phần là do kinh tế khó khăn, anh T không chăm lo đến vợ con, một phần nữa anh T hay tụ tập rượu chè, khi rượu chè về thì vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Thế A, sinh ngày 16/01/2018 và cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 30/12/2023. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị V được nuôi cả hai cháu, chị V không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung cùng chị. Thu nhập hàng tháng của chị 7.000.000 đồng/tháng – 8.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai cháu trưởng thành (Hiện chị làm nghề làm móng, trang điểm và gội đầu).

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị V xin chịu án phí theo quy định.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Ý kiến T bày của bị đơn anh Bùi Văn T như sau:

Anh nhất trí về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung như chị V T bày.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc cho đến thời điểm hiện tại, anh không rượu chè thiếu trách nhiệm như chị V T bày. Nay chị V có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ và không nhất trí ly hôn.

Nếu ly hôn nguyện vọng của anh xin được nuôi cháu Bùi Thế Anh, sinh ngày 16/01/2018 và được trợ cấp nuôi con chung cho cháu Bùi Quốc Anh, sinh ngày 30/12/2023 là 2.000.000 đồng/tháng cùng chị V.

Hiện anh làm nghề cắt tóc thu nhập hàng tháng của anh khoảng 10.000.000 đồng/tháng – 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các T tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm V; Xử cho chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Thế A, sinh ngày 16/01/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 30/12/2023 cho chị Trần Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con chung cho bên nào.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai T bày nguyện vọng về tình cảm, về con chung, không có đơn yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính cách quan điểm lối sống không hợp nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin được ly hôn với anh T. anh T không nhất trí ly hôn, xin đoàn tụ.

Tòa án xét thấy trước đó tháng 8 năm 2023 chị V cũng đã có đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xin được ly hôn với anh T, sau đó có đơn rút đơn.

Do không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, ngày 10/7/2024 chị V tiếp tục có đơn xin ly hôn với anh T.

Để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị V và anh T được biết.

Vợ chồng chị V, anh T có tạm trú tại tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nhưng không tham gia các hoạt động của tiểu khu, mâu thuẫn của chị V, anh T tiểu khu không nắm được.

Do vậy căn cứ vào lời T bày của các bên để đánh giá xem xét giải quyết.

Hiện tại hai anh chị vẫn cùng chung sống với nhau tại căn nhà thuê để cắt tóc, gội đầu, nhưng không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Tại phiên tòa chị V vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị V với anh T có với nhau 02 con chung là cháu Bùi Thế A, sinh ngày 16/01/2018 và cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 30/12/2023.

Nguyện vọng của các bên nếu ly hôn chị V xin được nuôi cả hai cháu, chị V không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung cùng chị.

Anh T xin được nuôi cháu Bùi Thế A và được trợ cấp nuôi con chung cho cháu Bùi Quốc Anh là 2.000.000 đồng/tháng.

Để đảm bảo quyền lợi trách nhiệm của các bên đương sự, xét thấy cần giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như gắn trách nhiệm của các bên với con cái.

Do đó giao cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 30/12/2023 cho chị Trần Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến năm cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 16/01/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến năm cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Đối với việc anh T có ý kiến trợ cấp nuôi con chung cho cháu Bùi Quốc Anh mỗi tháng là 2.000.000đ, xét thấy trong quá T giải quyết vụ án và tại phiên Tòa chị V đều không yêu cầu anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V, do đó không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm V phải chịu án phí Dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị Cẩm V được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 30/12/2023 cho chị Trần Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến năm cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, giao cháu Bùi Thế A, sinh ngày 16/01/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến năm cháu trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm V phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DS/ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002154, ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Giang,
huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh